HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 173/2015/NQ-HĐND	*Buôn Ma Thuột, ngày 03 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẾN Số: 2862
Ngày: 16/12/15
Chuyển:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 23/11/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về việc quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 27/11/2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung sau:

1. Mức hỗ trợ:

a) Đối với hạng mục: Đường giao thông thôn, buôn (thuộc Tiêu chí số 02):

Đường giao thông thôn, buôn cấp B hoặc cấp C (tùy thuộc vào lưu lượng xe thiết kế Nn):

- Đối với quy mô đường cấp B: Nền đường rộng tối thiểu 5m (trường hợp địa hình khó khăn rộng tối thiểu 4m); mặt đường rộng tối thiểu 3,5m (trường hợp địa hình khó khăn rộng tối thiểu 3m), kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng đá 1cm x 2cm mác 250 dày 18cm, móng cấp phối đá dăm dày 12cm.

- Đối với quy mô đường cấp C: Nền đường rộng tối thiểu 4m (trường hợp địa hình khó khăn rộng tối thiểu 3m); mặt đường rộng tối thiểu 3m (trường hợp địa hình khó khăn rộng tối thiểu 2m), kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng đá 1cm x 2cm mác 200 dày 14cm, móng cấp phối đá dăm dày 10cm. Tùy theo

điều kiện cụ thể của từng địa phương có thể sử dụng vật liệu carboncor asphalt làm vật liệu mặt đường thay thế cho bê tông xi măng trong trường hợp đường cũ có nền đường ổn định, môđuyn đàn hồi Eo ≥ 65Mpa và đường không có xe trọng tải nặng (trục lớn hơn 6 tấn); mặt đường kết cấu bằng carboncor asphalt dày 2cm trên nền đường ổn định có Eo ≥ 65Mpa và độ chặt yêu cầu Kyc ≥ 0,98.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

+ 100% giá trị công trình đối với xã vùng III; thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II và xã vùng I. Giải phóng mặt bằng người dân tự thực hiện;

+ 100% xi măng, ống cống (nếu có), cát, đá và chi phí vận chuyển đến trung tâm xã đối với các xã vùng II. Nếu chọn vật liệu carboncor asphalt thay thế thì hỗ trợ 100% vật liệu carboncor asphalt, ống cống (nếu có) và chi phí vận chuyển đến trung tâm xã. Giải phóng mặt bằng người dân tự thực hiện;

+ 100% xi măng, ống cống (nếu có), đá và chi phí vận chuyển đến trung tâm xã đối với các xã vùng I. Nếu chọn vật liệu carboncor asphalt thay thế thì hỗ trợ 100% vật liệu carboncor asphalt và chi phí vận chuyển đến trung tâm xã. Giải phóng mặt bằng người dân tự thực hiện;

Ngoài mức hỗ trợ trên, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương quy định thêm mức hỗ trợ cho người dân để thực hiện; quy định mức hỗ trợ đối với đường giao thông ngõ xóm và giao thông nội đồng để người dân tự thực hiện.

b) Đối với hạng mục: Kênh mương nội đồng (thuộc Tiêu chí số 03):

Quy mô kênh tưới ≤ 30 ha do Ủy ban nhân dân xã quản lý bằng bê tông xi măng đá 1cm x 2cm mác 200 dày 10cm, đáy lót đá 4cm x 6cm vữa xi măng dày 6cm.

Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

- 100% giá trị công trình đối với xã vùng III; thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II và xã vùng I. Giải phóng mặt bằng người dân tự thực hiện;

- 100% xi măng, cát, đá và chi phí vận chuyển đến trung tâm xã đối với các xã vùng II. Giải phóng mặt bằng người dân tự thực hiện;

- 100% xi măng, đá và chi phí vận chuyển đến trung tâm xã đối với các xã vùng I. Giải phóng mặt bằng người dân tự thực hiện.

Ngoài mức hỗ trợ trên, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương quy định thêm mức hỗ trợ cho người dân để thực hiện.

c) Đối với hạng mục: Trung tâm văn hóa - thể thao xã (thuộc Tiêu chí số 06):

Trung tâm văn hóa - thể thao xã có thể tập trung thành một công trình hoặc phân tán theo chức năng văn hóa và thể thao riêng theo quy hoạch xây dựng nông thôn được duyệt, nhưng tổng diện tích xây dựng không quá 800m^2 cho cả 02 chức năng văn hóa và thể thao đối với công trình xây dựng mới.

Quy mô Nhà văn hóa chung với Khu chức năng thể thao đơn giản từ 150 – 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, 01 tầng.

Quy mô Sân thể thao ngoài trời: Sân đắp đất cấp phối san gạt phẳng, đầm chặt đạt hệ số k=0,95, có độ dốc 1% sang hai bên, xung quanh có rãnh tiêu và thoát nước. Diện tích sân không quá 4.000 m^2.

Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

- 90% giá trị công trình đối với xã vùng III;

- 70% giá trị công trình đối với xã vùng II;

- 50% giá trị công trình đối với xã vùng I;

Phần còn lại (kể cả giải phóng mặt bằng) do ngân sách cấp huyện, ngân sách xã hỗ trợ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định mức hỗ trợ đối với Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn để người dân tự thực hiện.

d) Đối với các hạng mục: Cơ sở giết mổ gia súc tập trung; Khu thu gom rác tập trung và Xe vận chuyển rác (thuộc Tiêu chí số 17). Ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng nguồn vốn sự nghiệp môi trường:

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc tập trung (mỗi xã tối đa không quá 01 cơ sở):

Ngân sách tỉnh hỗ trợ sau đầu tư:

+ 80 triệu đồng đối với công trình xây mới; tối đa không quá 40 triệu cho công trình cải tạo, nâng cấp đối với xã vùng III;

+ 60 triệu đồng đối với công trình xây mới; tối đa không quá 30 triệu cho công trình cải tạo, nâng cấp đối với xã vùng II;

+ 50 triệu đồng đối với công trình xây mới; tối đa không quá 25 triệu cho công trình cải tạo, nâng cấp đối với xã vùng I;

- Đối với Khu thu gom rác tập trung (mỗi xã tối đa không quá 02 khu). Giải phóng mặt bằng địa phương tự thực hiện:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

+ 150 triệu đồng/công trình đối với xã vùng III;

+ 130 triệu đồng/công trình đối với xã vùng II;

+ 120 triệu đồng/công trình đối với xã vùng I;

- Đối với xe vận chuyển rác (mỗi xã tối đa không quá 02 xe):

Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

+ 80 triệu đồng/xe đối với xã vùng III;

+ 60 triệu đồng/xe đối với xã vùng II;

+ 50 triệu đồng/xe đối với xã vùng I;

Đối với những xã đã có dịch vụ môi trường công cộng, chuyển từ việc hỗ trợ mua xe vận chuyển rác sang mua thùng chứa rác.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Để được hỗ trợ, các công trình, hạng mục công trình nêu trên phải nằm trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đảm bảo trong suốt giai đoạn 2016-2020, tất cả các xã trên địa bàn tỉnh đều được hưởng chính sách hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Đối với việc hỗ trợ xi măng, ống cống (nếu có) (hoặc vật liệu carboncor asphalt), cát, đá cho làm đường giao thông thôn, buôn; xi măng, cát, đá cho làm kênh mương nội đồng tại các xã vùng I và xã vùng II thì phải có đăng ký kế hoạch và cam kết thực hiện của Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thứ tự ưu tiên trong hỗ trợ:

a) Thứ nhất: Đường giao thông thôn, buôn;

b) Thứ hai: Kênh mương nội đồng;

c) Thứ ba: Cơ sở giết mổ gia súc tập trung; Khu thu gom rác tập trung; Xe vận chuyển rác;

d) Thứ tư: Trung tâm văn hóa - thể thao xã.

Trên địa bàn một xã phải thực hiện cơ bản hoàn thành ưu tiên thứ nhất, thứ hai và thứ ba, sau đó mới được hỗ trợ thực hiện nội dung thứ tư nêu trên trừ trường hợp xã xin đăng ký và có khả năng đạt chuẩn trong năm kế hoạch.

Nếu Trung ương có chỉ đạo khác về thứ tự ưu tiên so với thứ tự ưu tiên nêu trong Nghị quyết này cho một nguồn vốn cụ thể thì thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Vốn Trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ bố trí cho Chương trình);

b) Vốn ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp môi trường);

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác do ngân sách tỉnh quản lý;

d) Vốn ngân sách cấp huyện, xã;

e) Vận động nhân dân tự nguyện tham gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Trong giai đoạn 2016-2020, ngân sách tỉnh phải đảm bảo tối thiểu 280 tỷ đồng gồm: 250 tỷ đồng vốn đầu tư; 30 tỷ đồng vốn sự nghiệp môi trường để hỗ trợ trực tiếp thực hiện Nghị quyết. UBND tỉnh đảm bảo kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2015.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ KH-ĐT; Bộ Tài chính; Bộ NN-PTNT;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu;
- TT. Tỉnh uỷ;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở NN-PTNT;
- TT. HĐND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct.HĐND. 150

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Số:72/SNN-SY
Nơi nhận:
- Lãnh đạo Sở, ĐUS, CĐ;
- Các Phòng, Chi cục, Trung tâm đơn vị thuộc Sở;
- Các BQL rừng, Cty LN, nông nghiệp, Chăn nuôi thuộc ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Gửi qua OMS;
- Lưu VT, (40b).

SAO Y BẢN CHÍNH
Đắk Lắk, ngày 18/12/2015
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Dương